

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29-02-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Bà Nguyễn Thị Hồng Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương-Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 363/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1988. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Quán Tr, xã Bát Tr, huyện An L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1983. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Quán Tr, xã Bát Tr, huyện An L, thành phố Hải Phòng, nơi cư trú Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 11 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh B trình bày:

Chị và anh Lê Văn D quen biết, tìm hiểu trên cơ sở nguyện, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bát Tr, huyện An L, thành phố Hải Phòng vào ngày 03/8/2012. Sau khi kết hôn, chị Bình về chung sống cùng gia đình anh D tại thôn Quán Tr, xã Bát Tr, huyện An L, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, cuối năm 2012 anh D có đi Hàn Quốc để lao động, chị B mang thai và đến tháng 10 năm 2013 sinh con. Trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2015 tuy anh D đi lao động bên Hàn Quốc nhưng năm nào anh D cũng về thăm vợ con và gia đình. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng anh, chị hoà thuận, hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì lớn trong khoảng thời gian được gần 3 năm. Từ năm 2015 sau khi anh D trở lại Hàn Quốc làm việc thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, hay cãi nhau qua những lần liên lạc, không hoà hợp với nhau về mọi mặt không có sự cảm thông chia sẻ và từ năm 2015 đến nay anh D không trở về Việt Nam và không liên lạc hay hỏi thăm đến vợ con. Cuối năm 2015 hai mẹ con chị B về nhà mẹ đẻ ở tại địa chỉ thôn Quán Tr, xã Bát Tr, huyện An L, thành phố Hải Phòng

Chị B có liên hệ với gia đình anh D thì được biết anh D vẫn thường xuyên gọi điện về hỏi thăm gia đình nhưng gia đình không biết cụ thể địa chỉ của anh D ở bên Hàn Quốc. Chị B cho rằng anh D cố tình giấu địa chỉ và không muốn cho chị biết hiện nay đang ở đâu. Nay vợ chồng anh, chị ly thân đã lâu, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn nên chị B đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Văn D để hai bên còn giải phóng cho nhau, mỗi bên tự ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn D có một con chung là Lê Hải N, sinh ngày 29/10/2013. Từ khi vợ chồng ly thân thì con chung vẫn ở cùng chị B. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa giải quyết giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Nam trưởng thành. Chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị và anh Lê Văn D tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Lê Văn D tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Lê Văn D hiện đang ở nước ngoài. Nguyên đơn chị B chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh D mà không cung cấp được địa chỉ của anh D ở nước ngoài. Thông qua mẹ đẻ của anh D được biết anh D vẫn liên lạc với gia đình ở trong nước nhưng mẹ đẻ của anh D không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh D cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh D để gửi lời khai về cho Tòa án. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho anh D theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thanh B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với anh Lê Văn D. Anh Lê Văn D vắng mặt và không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh B và bị đơn là anh Lê Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa, tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Thanh B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lê Văn D vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thanh B và anh Lê Văn D là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận cuộc sống vợ chồng của chị Nguyễn Thị Thanh B và anh Lê Văn D không có hạnh phúc, hiện mỗi người sống một nước, không có khả năng đoàn tụ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh B. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh B và anh Lê Văn D có một con chung là Lê Hải N, sinh ngày 29/10/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân con chung ở với chị B, anh D vẫn đang ở nước ngoài. Vì vậy, cần giao con chung Lê Hải N cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, chị B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Chị B là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Viện Kiểm sát tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thanh B có đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh Lê Văn D. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lê Văn D, hiện đang cư trú ở nước ngoài nên theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Nguyễn Thị Thanh B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lê Văn D hiện đang sinh sống ở nước ngoài, chị B chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh Lê Văn D ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh Lê Văn D ở nước ngoài. Mẹ đẻ của anh Lê Văn D xác nhận anh D vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình

và đồng ý ly hôn với chị B nhưng không cung cấp địa chỉ cho mẹ của anh D. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng mẹ đẻ của anh Lê Văn D không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh D cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh D biết để gửi lời khai về cho Tòa án nên coi đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng cho anh D theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài không rõ địa chỉ. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị B và anh D.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh B và anh Lê Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện đã được Ủy ban nhân dân xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03 tháng 8 năm 2012. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh B và anh Lê Văn D hiện mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai, không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh B về việc xin ly hôn anh Lê Văn D theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Thanh B và Lê Văn D có 01 con chung là Lê Hải N, sinh ngày 29/10/2013. Sau khi anh D đi Hàn Quốc, con chung ở với chị B, cháu Nam sức khỏe vẫn phát triển bình thường về mọi mặt. Bản thân cháu Nam có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, cần giao con chung Lê Hải N cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh B không yêu cầu anh Lê Văn D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh B và anh Lê Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh B là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Chị Nguyễn Thị Thanh B và anh Lê Văn D được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh B

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh B ly hôn anh Lê Văn D

2. Về con chung: Giao con chung Lê Hải N, sinh ngày 29/10/2013 cho chị Nguyễn Thị Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 (mười tám) tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh B và anh Lê Văn D không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh B phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0000269 ngày 28 tháng 11 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Thanh B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Nguyễn Thị Thanh B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Văn D (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01(một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Bát Trang, huyện An Lão;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Bình

